

Bản án số: 31/2024/DS-ST

Ngày: 31-5-2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Ngô Văn Thum.

2. Bà Phạm Thị Cẩm Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến (Điểm cầu trung tâm: Tòa án nhân dân huyện An Minh, địa chỉ: khu phố B, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Điểm cầu thành phần: Tầng E, Tòa nhà S, Số A, Đường A, KCN B, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai), vụ án thụ lý số 32/2024/TLST-DS, ngày 08/01/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2024/QĐXXST-DS ngày 15/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2024/QĐST-DS ngày 10/5/2024, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Quốc H, sinh năm 1987; địa chỉ: Số E N, phường R, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Có mặt tại điểm cầu thành phần, địa chỉ: Tầng E, Tòa nhà S, Số A, Đường A, KCN B, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2- Bị đơn: Anh Trương Minh Đ, sinh năm 1984 và chị Trần Thị H1, sinh năm 1978; địa chỉ: ấp N, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Vắng mặt phiên tòa lần 02 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày: Ngày 17/12/2017 vợ chồng anh Đ và chị H1 mượn của anh H số tiền 150.000.000 đồng để trả nợ ngân hàng, thỏa thuận sau khi lấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra thì giao cho anh H giữ để làm tin. Khi đó có làm hợp đồng có trưởng ấp N ký chứng kiến. Nhưng khi trả tiền ngân hàng và nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về, anh Đ chị H1 không giao giấy cho anh H như thỏa thuận và cũng không trả lại tiền cho anh H. Theo đơn khởi kiện anh H yêu cầu anh Đ và chị H1 trả số tiền 150.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày và yêu cầu: Theo đơn khởi kiện yêu cầu 150.000.000 đồng là theo hợp đồng vay tiền, nhưng vào ngày 05/01/2018 anh Đ có trả được 60.000.000 đồng. Nay chỉ còn nợ 90.000.000 đồng nên chỉ yêu cầu trả 90.000.000 đồng.

- Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng. Bị đơn vắng mặt phiên tòa lần thứ hai không lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt là đúng quy định. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền 90.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn và bị đơn có hợp đồng vay tiền nhưng xảy ra tranh chấp, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu thanh toán, do đó xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã giải thích các trường hợp được trợ giúp pháp lý miễn phí nhưng các đương sự xác định không ai thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý miễn phí.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn vắng mặt trong các phiên hòa giải và xét xử nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Nguyên đơn là anh **H** có đủ điều kiện xét xử theo hình thức trực tuyến nên Tòa án tổ chức phiên tòa trực tuyến đối với anh **H**.

[2] Nguyên đơn là anh **H** khởi kiện yêu cầu bị đơn là anh **Đ**, chị **H1** trả tiền vay. Anh **H** có cung cấp tài liệu, chứng cứ là hợp đồng giao nhận tài sản ngày 27/12/2017 có **T** áp ký xác nhận. Bị đơn không có ý kiến phản bác yêu cầu của nguyên đơn, cũng như không có ý kiến đối với tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Do đó, xác định đây là tình tiết, sự kiện có thật, đương sự không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo đơn khởi kiện, anh **H** yêu cầu anh **Đ**, chị **H1** trả số tiền 150.000.000 đồng và cung cấp hợp đồng có nội dung nhận 150.000.000 đồng. Nhưng tại phiên tòa anh **H** trình bày số tiền yêu cầu 150.000.000 đồng là kiện theo hợp đồng, nhưng trên thực tế anh **Đ** có trả được 60.000.000 đồng nên trừ ra số tiền này, anh **H** chỉ yêu cầu số tiền còn lại là 90.000.000 đồng.

Do đó, Hội đồng xét xử buộc anh **Đ** và chị **H1** cùng liên đới trả cho anh **H** số tiền còn nợ là 90.000.000 đồng.

[3] Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn chịu án phí đối với nghĩa vụ phải thanh toán số nợ là 90.000.000 đồng x 5% = 4.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 92, 147, 227, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh Nguyễn Quốc H đối với anh Trương Minh Đ và chị Trần Thị H1. Buộc anh Trương Minh Đ và chị Trần Thị H1 liên đới trả cho anh Nguyễn Quốc H số tiền 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong số tiền, hằng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền

lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2- Án phí sơ thẩm: Anh **Trương Minh Đ** và chị **Trần Thị H1** cùng liên đới chịu án phí là 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho anh **Nguyễn Quốc H** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.750.000 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005105 ngày 03/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

3- Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Trường Hận